

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	981,640,004,191	929,500,255,098	3,724,896,798,595	3,485,962,638,318
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3,923,217,171	33,750,296	5,648,947,814	10,082,120,795
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	977,716,787,020	929,466,504,802	3,719,247,850,781	3,475,880,517,523
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	847,882,684,854	783,602,963,159	3,275,006,635,195	2,883,103,015,796
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		129,834,102,166	145,863,541,643	444,241,215,586	592,777,501,727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	48,802,929,536	21,253,431,800	106,581,128,483	116,316,638,522
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14,428,164,542	25,175,943,741	53,109,100,171	78,492,973,862
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,425,554,399	13,607,786,781	46,385,309,207	40,862,090,989
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	61,321,534,702	46,185,997,947	210,309,360,752	174,983,149,964
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	20,603,184,119	7,015,974,311	49,832,829,619	30,145,590,797
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82,284,148,339	88,739,057,444	237,571,053,527	425,472,425,626
11. Thu nhập khác	31	VI.7	98,512,363	13,489,324,380	6,538,742,349	14,661,898,032
12. Chi phí khác	32	VI.8	317,479,235	12,794,076,174	1,908,333,168	15,447,239,180
13. Lợi nhuận khác	40		(218,966,872)	695,248,206	4,630,409,181	(785,341,148)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82,065,181,467	89,434,305,650	242,201,462,708	424,687,084,478
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	14,771,732,664	320,702,821	43,596,263,287	60,666,203,010
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>67,293,448,803</u>	<u>89,113,602,829</u>	<u>198,605,199,421</u>	<u>364,020,881,468</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9			-	



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Số: 19/ 2013-CV-VH
"V/v giải trình biến động của báo
cáo kết quả kinh doanh"

TP.Cao Lãnh, ngày 29 tháng 01 năm 2013

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn xin được giải trình chênh lệch biến động giảm của kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV năm 2012 so với Quý IV năm 2011 như sau:

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Quý IV/2012	Quý IV/2011	chênh lệch (%)
Doanh thu thuần	977.716.787.020 VNĐ	929.466.504.802 VNĐ	+ 5,19 %
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	67.293.448.803 VNĐ	89.113.602.829 VNĐ	-24,48 %

Chênh lệch biến động lợi nhuận sau thuế giảm là do các nguyên nhân chính sau:

- Quý IV/2012 giá thành nuôi cao hơn so với quý IV/2011.
- Sức mua của thị trường giảm làm giá xuất khẩu Quý IV/2012 giảm hơn so với Quý IV /2011

Trên đây là giải trình của Công ty gửi đến Quý cơ quan.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,328,162,218,143	1,648,757,270,442
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27,504,898,648	294,581,518,046
1. Tiền	111		27,504,898,648	278,081,518,046
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		738,217,050,780	219,548,828
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	738,217,050,780	219,548,828
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		720,382,482,750	701,228,317,725
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	528,660,798,013	635,444,345,666
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	70,240,046,120	60,475,846,820
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	122,125,350,995	5,308,125,239
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(643,712,378)	-
IV. Hàng tồn kho	140		773,197,164,446	612,818,789,833
1. Hàng tồn kho	141	V.6	836,609,999,078	658,314,732,791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(63,412,834,632)	(45,495,942,958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		68,860,621,519	39,909,096,010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	539,540,533	799,579,015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31,409,397,768	11,959,407,847
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.20	476,392,323	608,007,853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	36,435,290,895	26,542,101,295



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		574,671,151,487	505,117,055,193
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		338,056,916,059	362,753,678,903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	270,120,092,606	303,091,877,024
<i>Nguyên giá</i>	222		538,033,560,190	511,253,604,274
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(267,913,467,584)	(208,161,727,250)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	50,244,239,045	52,810,335,443
<i>Nguyên giá</i>	228		51,703,029,840	54,023,222,540
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,458,790,795)	(1,212,887,097)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	17,692,584,408	6,851,466,436
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		149,457,817,341	86,155,242,690
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	140,257,242,690	86,155,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	9,200,574,651	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		87,156,418,087	56,208,133,600
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	85,952,956,462	55,010,935,960
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1,203,461,625	1,197,197,640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,902,833,369,630	2,153,874,325,635

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,672,785,366,422	997,937,469,310
I. Nợ ngắn hạn	310		1,670,093,560,674	995,121,693,562
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	1,195,139,342,758	584,642,951,256
2. Phải trả người bán	312	V.18	183,464,009,462	152,404,923,307
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	9,338,303,048	6,157,619,827
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	27,771,338,481	36,019,514,987
5. Phải trả người lao động	315	V.21	42,577,965,140	33,135,154,032
6. Chi phí phải trả	316	V.22	13,827,159,626	2,589,210,652
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	112,772,652,419	117,425,281,687
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	34,000,000,000	34,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	51,202,789,740	28,747,037,814
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,691,805,748	2,815,775,748
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	2,691,805,748	2,815,775,748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,230,048,003,208	1,155,936,856,325
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,230,048,003,208	1,155,936,856,325
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	475,112,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	601,340,488,563	530,829,341,680
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,902,833,369,630	2,153,874,325,635

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		921,396.45	13,063,263.22
Euro (EUR)		284.70	295.39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng




Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ IV/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		242,201,462,708	424,687,084,478
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,V.11	59,997,644,032	59,417,910,916
- Các khoản dự phòng	03	V.7	18,560,604,052	30,408,097,226
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	5,652,663,747
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(72,111,664,096)	(35,776,469,840)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	46,385,309,207	40,862,090,989
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		295,033,355,903	525,251,377,516
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(29,212,199,886)	(163,758,111,159)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(178,295,266,287)	(247,711,365,826)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		53,159,761,924	(56,863,448,734)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(29,565,057,522)	(27,869,724,897)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(45,442,069,043)	(39,991,804,527)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(51,719,504,645)	(55,061,232,928)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,500,000,000	1,259,150,260
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13,200,576,612)	(13,090,740,278)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,258,443,832	(77,835,900,573)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,V.11,V.12	(55,454,911,707)	(94,027,886,886)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	13,368,034,409
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.14	(1,171,510,877,664)	(167,914,555,590)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		424,299,425,349	275,271,354,638
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(38,021,327,300)	(25,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	52,776,471,090	24,464,487,027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(787,911,220,232)	25,661,433,598



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(5,487,904,737)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	3,225,861,939,816	1,880,163,454,518
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(2,615,365,548,314)	(1,568,008,262,899)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(91,920,234,500)	(68,915,736,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		518,576,157,002	237,751,550,882
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(267,076,619,398)	185,577,083,907
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	294,581,518,046	111,656,276,573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(2,651,842,434)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	27,504,898,648	294,581,518,046



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2013



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV/2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

5. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII..

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.179.732.520	2.223.321.999
Tiền gửi ngân hàng	25.325.166.128	275.858.196.047
Các khoản tương đương tiền		16.500.000.000
Cộng	<u>27.504.898.648</u>	<u>294.581.518.046</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	16.003.528.624	25.956.342.050
Các khách hàng nước ngoài	512.657.269.389	609.488.003.616
Cộng	<u>528.660.798.013</u>	<u>635.444.345.666</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	44.782.225.826	45.527.289.051
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	25.457.820.294	14.948.557.769
Cộng	<u>70.240.046.120</u>	<u>60.475.846.820</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng	13.993.287.253	-
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	3.351.641.760	4.823.682.529
Ứng trước tiền hàng cho Vĩnh Hoàn 2	85.413.754.233	
Phải thu lãi tiền ứng trước tiền hàng	2.080.359.673	
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	17.208.333.333	-
Phải thu khác	77.974.743	484.442.710
Cộng	<u>122.125.350.995</u>	<u>5.308.125.239</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	121.209.516.935	47.902.152.330
Công cụ, dụng cụ	2.557.566.625	2.929.580.624
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	385.036.560.179	327.069.614.956
Thành phẩm	327.771.238.087	236.007.052.525
Hàng hóa	35.117.252	63.204.912
Hàng gửi đi bán		44.343.127.444

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	836.609.999.078	658.314.732.791

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm có giá trị là 104.140.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	45.495.942.958
Trích lập dự phòng bổ sung	17.916.891.674
Số cuối kỳ	63.412.834.632

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	799.579.015
Tăng trong kỳ	1.115.114.090
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.375.152.572)
Số cuối kỳ	539.540.533

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	33.735.290.895	25.042.101.295
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.700.000.000	1.500.000.000
Cộng	36.435.290.895	26.542.101.295

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	159.316.301.847	343.139.611.735	7.943.965.222	853.725.470	511.253.604.274
Tăng trong kỳ	13.745.118.913	9.731.655.184	2.963.531.819	339.650.000	26.779.955.916
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản</i>	12.876.574.063	928.000.000	-	-	13.804.574.063
<i>Mua sắm mới</i>	868.544.850	8.803.655.184	2.963.531.819	339.650.000	12.975.381.853
Số cuối năm	173.061.420.760	352.871.266.919	10.907.497.041	1.193.375.470	538.033.560.190
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	34.735.684.824	168.900.244.587	3.769.459.188	756.338.651	208.161.727.250
Khấu hao trong năm	13.294.486.669	45.070.492.400	1.228.503.978	158.257.287	59.751.740.334
Thanh lý, nhượng bán					-
Số cuối năm	48.030.171.493	213.970.736.987	4.997.963.166	914.595.938	267.913.467.584
Giá trị còn lại					-
Số đầu năm	124.580.617.023	174.239.367.148	4.174.506.034	97.386.819	303.091.877.024

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối năm	125.031.249.267	138.900.529.932	5.909.533.875	278.779.532	270.120.092.606

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 306.348.338.881 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	53.482.992.750	540.229.790	54.023.222.540
Tăng trong kỳ	13.625.480.000	135.000.000	13.760.480.000
Giảm trong kỳ	(16.080.672.700)		(16.080.672.700)
Số cuối kỳ	51.027.800.050	675.229.790	51.703.029.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	716.928.747	495.958.350	1.212.887.097
Khấu hao trong kỳ	209.832.804	36.070.894	245.903.698
Số cuối kỳ	926.761.551	532.029.244	1.458.790.795
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	52.766.064.003	44.271.440	52.810.335.443
Số cuối kỳ	50.101.038.499	143.200.546	50.244.239.045

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá 14.067.767.850 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	81.000.000	982.000.000	(1.063.000.000)	-
XDCB dở dang	6.770.466.436	25.025.116.533	(14.102.998.561)	17.692.584.408
Chi phí đào ao nuôi cá	5.211.443.396	24.917.629.790	(14.102.998.561)	16.026.074.625
Xây dựng cơ bản dở dang khác	1.559.023.040	107.486.743		1.666.509.783
Cộng	6.851.466.436	26.007.116.533	(15.165.998.561)	17.692.584.408

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I ⁽ⁱ⁾	6.945.374,95	52.003.709.506	6.945.374,95	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		8.651.533.184		8.651.533.184

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
(ii)				
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾		79.300.000.000		25.500.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)		302.000.000		-
Cộng		140.257.242.690		86.155.242.690

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 1400604953 ngày 21 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 69.453.749.913 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ vốn góp.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 302.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.698.000.000 VND.

14. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư vốn sản xuất cá giống cung cấp cho Công ty.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	43.086.751.330	46.340.281.957	(13.071.000.958)	76.356.032.329
Tiền thuê đất	11.924.184.630	177.652.020	(2.504.912.517)	9.596.924.133
Cộng	55.010.935.960	46.517.933.977	(15.575.913.475)	85.952.956.462

16. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
– Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	177.370.000.000
– Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	41.656.000.000	16.500.000.000
– Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	1.055.450.122.563	390.772.951.256
– Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	98.033.220.195	-
Cộng	<u>1.195.139.342.758</u>	<u>584.642.951.256</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng hóa trong kho trị giá 5 triệu USD và cam kết của Bà Trương Thị Lệ Khanh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	584.642.951.256
Số tiền vay phát sinh	3.225.861.939.816
Số tiền vay đã trả	<u>(2.615.365.548.314)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.195.139.342.758</u>

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Nhà cung cấp trong nước	181.124.132.747	146.321.780.908
Các Nhà cung cấp nước ngoài	2.339.876.715	6.083.142.399
Cộng	<u>183.464.009.462</u>	<u>152.404.923.307</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	983.618.419	883.576.990
Các khách hàng nước ngoài	8.354.684.629	5.274.042.837
Cộng	<u>9.338.303.048</u>	<u>6.157.619.827</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	433.708	14.695.330.841	(14.695.764.549)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(608.007.853)	1.564.430.619	(1.381.215.089)	(424.792.323)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.752.966.096	43.596.263.287	(51.719.504.645)	26.629.724.738
Thuế thu nhập cá nhân	1.266.115.183	2.657.002.957	(2.781.504.397)	1.141.613.743
Tiền thuê đất	-	1.271.119.042	(1.271.119.042)	-
Tiền thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	-	(51.600.000)	(51.600.000)
Cộng	<u>35.411.507.134</u>	<u>63.787.146.746</u>	<u>(71.903.707.722)</u>	<u>27.294.946.158</u>

(*) Thuế nhập khẩu nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	05%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 13 phải trả công nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.813.526.626	870.286.462
Chi phí khác	12.013.633.000	1.718.924.190
Cộng	<u>13.827.159.626</u>	<u>2.589.210.652</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	28.260.000	58.448.500
Kinh phí công đoàn	3.898.086.948	2.598.818.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.485.790.870	1.106.300.846

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.983.775.356	2.134.179.135
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	103.191.208.579	108.101.129.232
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - thu hộ tiền hàng	-	712.250.000
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - tiền thu hộ	-	1.107.980.234
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	-	-
Các khoản phải trả khác	1.185.530.666	1.606.175.226
Cộng	<u>112.772.652.419</u>	<u>117.425.281.687</u>

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	26.307.104.789	24.717.147.527	-	(4.974.600.008)	46.049.652.308
Quỹ phúc lợi	2.439.933.025	7.886.859.011	352.322.000	(5.525.976.604)	5.153.137.432
Cộng	<u>28.747.037.814</u>	<u>32.604.006.538</u>	<u>352.322.000</u>	<u>(10.500.576.612)</u>	<u>51.202.789.740</u>

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	2.815.775.748
Số đã chi	(123.970.000)
Số cuối kỳ	<u>2.691.805.748</u>

27. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	530.829.341.680	1.155.936.856.325
Lợi nhuận trong kỳ		-		198.605.199.421	198.605.199.421
Trích các quỹ trong kỳ				(32.604.006.538)	(32.604.006.538)
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	3.600.000.000			(3.600.000.000)	0
Chia cổ tức				(91.890.046.000)	(91.890.046.000)
Số dư cuối kỳ	<u>475.112.730.000</u>	<u>190.492.000.000</u>	<u>(36.897.215.355)</u>	<u>601.340.488.563</u>	<u>1.230.048.003.208</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.511.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.511.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.511.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.312.523	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	46.312.523	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	3.724.896.798.595	3.485.962.638.318
- Doanh thu bán hàng hóa	575.672.640.419	573.414.862.496
- Doanh thu bán thành phẩm	2.582.886.371.118	2.378.295.393.067
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.642.350.516	46.696.566.522
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	26.953.406.155	21.584.882.309
- Doanh thu bán phụ phẩm	498.742.030.387	465.970.933.924
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(5.648.947.814)	(10.082.120.795)
- Giảm giá hàng bán	(1.874.090.299)	(194.985.077)
- Hàng bán bị trả lại	(3.774.857.515)	(9.887.135.718)
Doanh thu thuần	<u>3.719.247.850.781</u>	<u>3.475.880.517.523</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	575.668.293.892	572.415.494.391
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.577.284.665.547	2.369.212.640.377
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	40.642.350.516	46.696.566.522
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	26.953.406.155	21.584.882.309
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	498.699.134.671	465.970.933.924

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	532.877.196.639	510.908.132.396
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2.220.476.587.947	1.920.153.731.694
Giá vốn của nguyên vật liệu đã cung cấp	23.336.375.547	16.371.087.639

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của phụ phẩm đã cung cấp	480.621.193.308	405.261.966.841
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	17.916.891.674	30.408.097.226
Cộng	3.275.006.635.195	2.883.103.015.796
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	39.035.917.764	9.775.777.911
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	407.249.410	439.921.952
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.482.514.000	11.326.166.719
Lãi tiền cho vay	3.561.481.407	12.756.282.744
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	5.031.750.925	2.711.747.271
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.062.214.977	79.306.741.925
Cộng	106.581.128.483	116.316.638.522
4. Chi phí tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	46.385.309.207	40.862.090.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		5.652.663.747
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.723.790.964	31.978.219.126
Cộng	53.109.100.171	78.492.973.862
5. Chi phí bán hàng	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.967.965.507	4.631.178.736
Chi phí khấu hao TSCĐ, dụng cụ, đồ dùng	44.786.958	548.680.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.799.223.752	98.467.839.449
Chi phí khác	79.497.384.535	71.335.451.603
Cộng	210.309.360.752	174.983.149.964
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.914.810.327	11.947.314.360
Chi phí đồ dùng văn phòng	968.249.091	1.175.147.316
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.984.811.002	3.087.370.683
Thuế, phí và lệ phí	739.867.947	1.275.951.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.227.282.658	1.077.799.250
Chi phí khác	23.997.808.594	12.132.007.991
Cộng	49.832.829.619	30.695.590.797

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		13.368.034.409
Thu nhập khác	6.538.742.349	1.293.863.623
Cộng	6.538.742.349	14.661.898.032

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán		11.449.791.943
Chi phí khác	1.908.333.168	3.997.447.237
Cộng	1.908.333.168	15.447.239.180

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Mua nguyên vật liệu	19.125.410.6006
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên vật liệu	37.042.774.600

Tại ngày 31/12/2012, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công nợ phải thu:		
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	18.361.247.350	19.663.800.251
Các cá nhân có liên quan	8.992.647.580	1.478.594.520
Cộng nợ phải thu	25.341.330.450	21.142.394.771
Công nợ phải trả:		
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	348.033.320	0
Cộng nợ phải thu	348.033.320	0

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		400.155.004.600
Mua hàng hóa, dịch vụ		966.890.377.340
<i>Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2</i>		
Cung cấp dịch vụ		4.478.719.900
Nhận hàng xuất khẩu ủy thác		22.960.913.001
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất		1.004.698.000
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Bán thành phẩm, hàng hóa		1.247.723.182.740
Bán hàng ủy thác xuất khẩu		283.912.258.808
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ		3.409.358.500
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu		11.235.097.037
Nhận hàng xuất khẩu ủy thác		18.453.566.761
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất		16.058.623.965
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ		43.782.773.758
Nhận hàng xuất khẩu ủy thác		581.608.970.607
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất		79.673.059.877

Tại ngày 31/12/2012, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Phải thu tiền thu hộ	13.993.287.253	0
<i>Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2</i>		
Ứng trước tiền hàng	85.413.754.233	
Phải thu tiền lãi ứng trước tiền cho vay	2.080.359.673	
Phải thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	1.665.631.616	0
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền hàng	15.573.569,40 USD	20.908.215,05 USD
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	160.920 USD	231.596,05 USD
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	1.748.081.409	163.276.785
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	117.302.513.016	49.942.012.524
Phải trả tiền thu hộ	-	1.107.980.234
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Phải trả khác	7.280 USD	7.760 USD
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Tiền mua hàng	1.585.592.652	2.692.462.513
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	95.245,60 USD	102.466,83 USD
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền thu hộ	-	712.250.000
Phải trả tiền hàng xuất khẩu ủy thác	4.954.446,35 USD	5.190.182,89 USD

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc